

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 289/2024/DS-PT
Ngày 14-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Lê Văn Phận

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2024/TLPT-DS ngày 15/3/2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1195/2024/QĐ-PT ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Tuyết P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương Đình L, sinh năm 1973

2.2. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1971

Cùng địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà C, Đường Đ, Phường G, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Như T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P, bị đơn ông Trương Đình L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Thị Tuyết P có cho bà Trần Thị Kim N, ông Trương Đình L vay tiền để làm ăn. Ngày 21/5/2023, bà N và ông L có ký biên bản thỏa thuận xác nhận nợ tổng số tiền 1.300.000.000 đồng.

Ngày 31/5/2021, bà N ký biên bản thỏa thuận xác nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng và 04 lượng vàng SJC. Bà N đã trả 50.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC.

Bà P yêu cầu ông L, bà N trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện nên bà P khởi kiện. Bà P yêu cầu bà N, ông L liên đới trả tiền vay 1.300.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày Tòa án thụ lý ngày 20/6/2023 tạm tính đến ngày 08/9/2023, mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền lãi 28.413.667 đồng. Và yêu cầu bà Trần Thị Kim N trả 03 lượng vàng SJC (67.250.000đ/lượng vàng SJC) tương ứng số tiền 201.750.000 đồng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Trương Đình L, bà Trần Thị Kim N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ông Trương Đình L và bà Trần Thị Kim N có quen biết với bà Dương Thị Tuyết P và thường xuyên làm ăn với nhau. Trong quá trình làm ăn, ông L, bà N có mượn của bà P số tiền 1.300.000.000 đồng. Đây là số tiền bà P cho mượn để đầu tư xăng dầu, chuẩn bị máy móc cho tàu đánh cá. Khi mượn không có giới hạn thời gian trả. Bị đơn chấp nhận trả số tiền trên nhưng xin trả dần mỗi tháng, trước đây bị đơn có trình bày với bà P việc trả dần số tiền 1.300.000.000 đồng thì bà P cũng đồng ý. Bị đơn xin trả dần mỗi tháng 100.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Đối với số vàng thì bà N không đồng ý vì bà N không có mượn, bà N có ký biên bản thỏa thuận xác nhận nợ nhưng do bà P kêu ký gộp nợ lại cho dễ quản lý sổ sách, lúc đó bà N nghĩ đơn giản nên ký. Số vàng là do chị bà N là bà Trần Thị Như T1 mượn của bà P.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như T1 trình bày:

Bà là chị ruột của bà Trần Thị Kim N, 03 lượng vàng SJC mà bà P yêu cầu bà N trả là nợ của bà. Bà bán mực cho bà P cách nay hơn 10 năm, bà mượn tiền và vàng là tiền kê chân cân mực do lúc đó bà P không có tiền nên đưa vàng, mỗi lần đưa 01 lượng vàng SJC, thời gian mượn không nhớ rõ. Năm 2021, bà cân mực cho bà P trừ nợ được 50.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC. Khi mượn vàng, tiền có lập biên nhận. Tiền và vàng mượn là để cân mực cho bà P nên không có thỏa thuận thời gian trả. Việc bà P chuyển giao nợ của bà cho bà N thì bà không biết. Số vàng 03 lượng vàng SJC bà còn thiếu của bà P thì bà trả, bà xin trả dần quy ra thành tiền mỗi tháng

trả 40.000.000 đồng đến khi hết nợ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã áp dụng các Điều 463, 466, 468, 357, 370 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P. Buộc bị đơn ông Trương Đình L, bà Trần Thị Kim N liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P số tiền vay 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20/6/2023 đến ngày 13/12/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng là 62.222.000đ (Sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kim N trả 03 lượng vàng SJC.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/12/2023, bị đơn ông Trương Đình L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận phương án trả nợ mỗi tháng 100.000.000 đồng và không tính lãi đối với số tiền 1.300.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2023, nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Trần Thị Kim N trả cho bà 03 lượng vàng SJC.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa. Tại đơn yêu cầu đề ngày 08/5/2024, bị đơn ông Trương Đình L xin rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Do ông Trương Đình L có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông L. Kháng cáo của bà P là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Tuyết P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Trương Đình L, bà Dương Thị Tuyết P; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Như T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt chị H, bà T1.

[1.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Trương Đình L, do ông L đã rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo nên căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử kháng cáo của ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, chỉ có bà P kháng cáo yêu cầu bà N trả cho bà 0 chỉ vàng SJC nên cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét lại.

[2.2] Xét kháng cáo của bà P:

Căn cứ biên bản thỏa thuận xác nhận nợ thì số tiền 50.000.000 đồng và 04 lượng vàng SJC là nợ mà bà T1 vay của bà P, tuy nhiên bà P với bà N lại thỏa thuận chuyển giao nợ từ bà T1 sang cho bà N. Bà N thừa nhận có ký vào biên bản thỏa thuận xác nhận nợ ngày 31/5/2021 nhưng không thừa nhận số nợ. Nguyên đơn cho rằng bà N đã trả 50.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC cho bà P nhưng bà N không thừa nhận, nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh, trong khi đó bà T1 xác định bà là người trả 50.000.000 đồng và 01 lượng vàng SJC cho bà P thông qua việc bán mực trừ nợ. Trong quá trình tố tụng, bà T1 cho rằng bà không biết việc chuyển giao nợ giữa các bên, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà T1 biết việc chuyển giao nợ. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm bà T1 xác định bà không đồng ý chuyển giao nợ là 03 lượng vàng SJC cho bà N. Như vậy, việc chuyển giao nợ từ bà T1 sang cho bà N không được sự đồng ý của bà T1 là không phù hợp nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P về việc buộc bà N trả 03 lượng vàng SJC là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do ông Trương Đình L rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa nên phải chịu $\frac{1}{2}$ án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bà Dương Thị Tuyết P không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử kháng cáo của ông Trương Đình L;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Tuyết P;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 112/2023/DS-ST ngày 13/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 357, 370 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P.

Buộc bị đơn ông Trương Đình L, bà Trần Thị Kim N liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P số tiền vay 1.300.000.000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng) và số tiền lãi 62.222.000đ (Sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng) tính từ ngày 20/6/2023 đến ngày 13/12/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Tuyết P về việc yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Kim N trả 03 lượng vàng SJC.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc ông Trương Đình L, bà Trần Thị Kim N phải chịu 52.866.660đ (Năm mươi hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) và có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Buộc bà Dương Thị Tuyết P phải chịu 10.950.000đ (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.236.000đ (Hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004292 ngày 26/5/2023 và biên lai thu tiền số 0006552 ngày 08/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Nguyên đơn được hoàn lại số tiền 18.286.000đ (Mười

tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Án phí phúc thẩm:

Buộc bà Dương Thị Tuyết P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000204 ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Buộc ông Trương Đình L phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000213 ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông Trương Đình L được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng